

HỌ VÀ TÊN HS:

LỚP: 6A

Tuần 5

Thời gian: Từ ngày 4/10 đến 9 / 10 /2021

VỀ NỘI DUNG LỊCH SỬ :

BÀI 4: NGUỒN GỐC LOÀI NGƯỜI (2 TIẾT)

1. Sự xuất hiện của công cụ lao động bằng kim loại

- Kim loại được con người tình cờ phát hiện ra khi khai thác đá vào khoảng thiên niên kỉ IV TCN.
- Đồng có sẵn trong tự nhiên, là đồng đỏ. Việc biết sử dụng lửa và làm đồ gốm dẫn đến việc luyện ra đồng thau, sắt.
- Điểm khác biệt giữa công và vật dụng bằng kim loại và công cụ bằng đá: công cụ và vật dụng bằng kim loại phong phú, đa dạng, hiệu quả hơn nhiều so với công cụ và vật dụng bằng đá (rìu tay, rìu mài lưỡi có tra cán, mũi tên bằng cây, lưỡi cày bằng gỗ).
- Kim loại được sử dụng vào những mục đích trong đời sống của con người cuối thời nguyên thủy:
 - + Khai phá đất hoang, tăng diện tích trồng trọt, xé gỗ đóng thuyền, xẻ đá làm nhà và khai thác mỏ.
 - + Một số công việc mới xuất hiện như nghề luyện kim, chế tạo công cụ lao động, chế tạo vũ khí

2. Sự chuyển biến trong xã hội nguyên thủy

- Nguyên nhân dẫn đến sự phân hoá xã hội thành người giàu và người nghèo: con người đã tạo ra được một lượng sản phẩm dư thừa từ công cụ lao động bằng kim loại. Số sản phẩm dư thừa đó thuộc về một số người.
- Mối quan hệ giữa người với người trong xã hội có phân hoá giàu, nghèo: quan hệ bình đẳng được thay thế bằng quan hệ bất bình đẳng, xuất hiện giai cấp thống trị (người giàu), giai cấp bị trị (người nghèo).

- Xã hội nguyên thủy ở phương Đông không phân hóa triệt để vì: Người nguyên thủy ở phương Đông vẫn sống quần tụ để đào nương, chống giặc ngoại xâm,...Do vậy, sự liên kết giữa các cộng đồng và nhiều tập tục vẫn được bảo lưu.

3. Việt Nam cuối thời kì nguyên thủy

- Một số nét cơ bản của xã hội nguyên thủy Việt Nam trong quá trình tan rã:

+ Thể hiện qua ba nền văn hoá: Phùng Nguyên, Đồng Đậu, Gò Mun: Chứng tỏ người nguyên thủy đã mở rộng địa bàn cư trú chuyển dần xuống vùng đồng bằng.

+ Cư dân đã phát minh ra thuật luyện kim, chế tạo công cụ, vũ khí bằng đồng (thể hiện qua hiện vật).

+ Đồ gốm phát triển, đẹp (hiện vật, chứng tỏ đã biết nung gốm ở nhiệt độ cao).

+ Định cư ven các con sông và có đời sống tinh thần phong phú (vị trí các nền văn hoá, hiện vật phản ánh chăn nuôi và đời sống tinh thần: gà, tượng người).

- Cuối thời nguyên thủy, người Việt cổ có:

+ Những công cụ lao động: công cụ mũi nhọn dùng trong săn bắt, trồng trọt, mũi giáo, mũi tên để săn động vật.

+ Những ngành nghề sản xuất: đồ gốm, đồ đồng chứng tỏ thủ công nghiệp phát triển, đã có thợ chuyên làm gốm, thợ luyện kim.

***Câu hỏi (Bài tập):**

Câu 1: Kim loại đã được phát hiện ra như thế nào?

Câu 2: Em hãy quan sát các hình 5.3 đến 5.4 và cho biết:

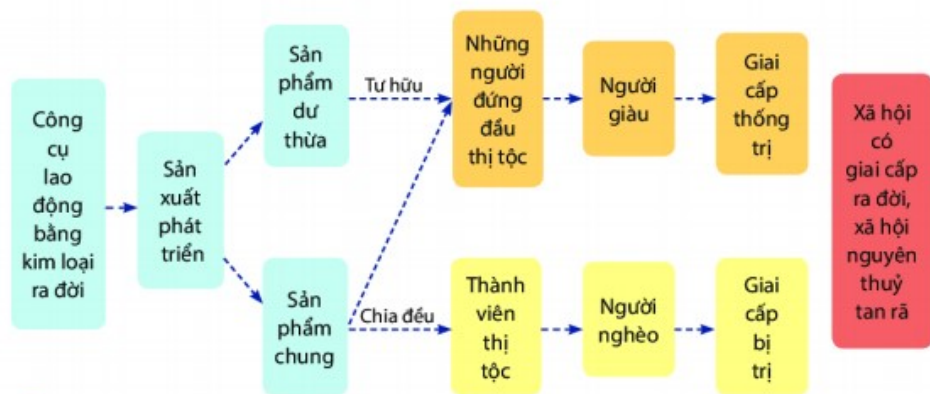
Công cụ và vật dụng bằng kim loại có đặc điểm gì khác biệt về chủng loại, hình dáng so với công cụ bằng đá?

Kim loại được sử dụng vào những mục đích gì trong đời sống của con người cuối thời nguyên thủy?

Câu 3: Đọc các thông tin, quan sát sơ đồ 5.5 em hãy cho biết:

Nguyên nhân nào dẫn đến sự phân hóa xã hội thành “ người giàu” và người nghèo”?

Mối quan hệ giữa người với người trong xã hội phân hóa giàu nghèo



5.5 Sơ đồ mô phỏng sự chuyển biến xã hội cuối thời nguyên thủy.

Vì sao xã hội nguyên thủy ở phương đông không phân hóa triệt để?

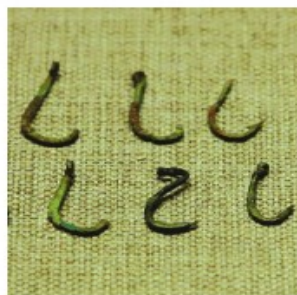
Câu 4 :Em hãy nêu một số nét cơ bản của xã hội nguyên thủy Việt Nam trong quá trình tan rã?

Câu 5 :Quan sát các hình từ 5.6 đến 5.9,em hãy cho biết cuối thời nguyên thủy, người Việt cổ đã có những công cụ lao động và những ngành nghề sản xuất nào?



a) Công cụ mũi nhọn

5.6 Đồ đồng Gò Mun.



b) Lưỡi câu



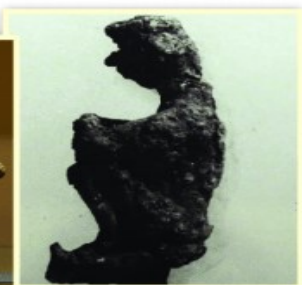
c) Mũi giáo, mũi tên



5.7 Đồ gốm Phùng Nguyên.



5.8 Tượng gà bằng đất nung, Đổng Đậu.



5.9 Tượng người ngồi bó gối bằng đồng, Gò Mun.

VỀ NỘI DUNG ĐỊA LÝ :

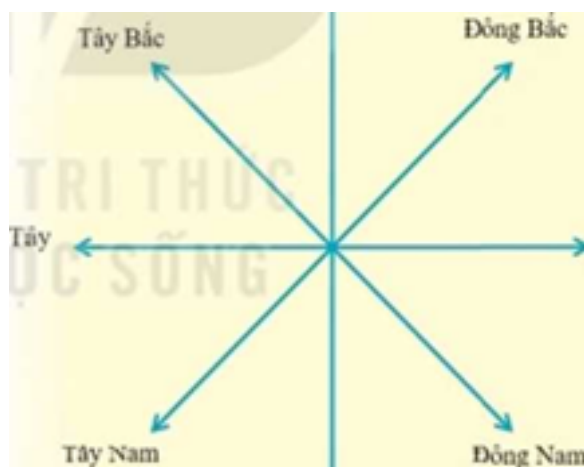
TÊN BÀI DẠY: Bài 3. TÌM ĐƯỜNG ĐI TRÊN BẢN ĐỒ

Môn học/Hoạt động giáo dục: ĐỊA LÍ 6

Thời gian thực hiện: (2 tiết)

I/ Phương hướng trên bản đồ

- Đầu trên của các kinh tuyến chỉ hướng bắc, đầu dưới chỉ hướng nam.
- Đầu bên trái của các vĩ tuyến chỉ hướng tây, đầu bên phải chỉ hướng đông



II/ Tỉ lệ bản đồ

- Khái niệm: Tỉ lệ bản đồ cho biết mức độ thu nhỏ của khoảng cách trên bản đồ so với khoảng cách trên thực địa. Để thể hiện tỉ lệ bản đồ người ta dùng tỉ lệ số và tỉ lệ thước
- Nguyên tắc: Để tính khoảng cách trên thực địa (theo đường chim bay) dựa vào tỉ lệ bản đồ, chúng ta cần thao tác như sau:
 - . Đo khoảng cách giữa hai điểm trên tờ bản đồ bằng thước kẻ.
 - . Đọc độ dài đoạn vừa đo trên thước kẻ.
 - . Dựa vào tỉ lệ bản đồ để tính khoảng cách trên thực địa
- Nếu trên bản đồ có tỉ lệ thước, ta đem khoảng cách AB trên bản đồ áp vào thước tỉ lệ sẽ biết được khoảng cách AB trên thực tế

III/ TÌM ĐƯỜNG ĐI TRÊN BẢN ĐỒ

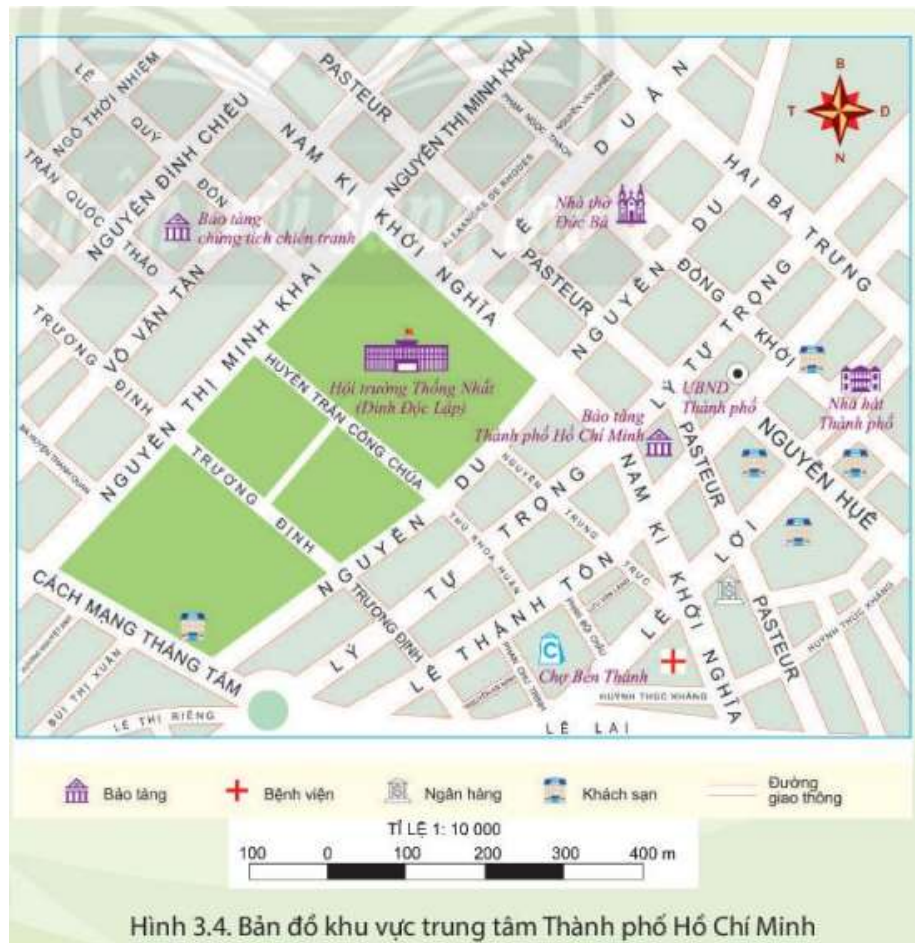
Để tìm đường đi trên bản đồ, cần thực hiện theo các bước sau:

Bước 1: Xác định nơi đi và nơi đến, hướng đi trên bản đồ.

Bước 2: Tìm các cung đường có thể đi và lựa chọn cung đường thích hợp với mục đích (ngắn nhất, thuận lợi nhất hoặc yêu cầu phải đi qua một số địa điểm cần thiết), đảm bảo tuân thủ theo quy định của luật an toàn giao thông.

Bước 3: Dựa vào tỉ lệ bản đồ để xác định khoảng cách thực tế sẽ đi.

***Câu hỏi (Bài tập):** Quan sát hình 3.4, em hãy thực hiện những nhiệm vụ sau để đo tính khoảng cách và tìm đường đi trên bản đồ:



1. Cho biết với tỉ lệ 1:10 000 thì cm trên bản đồ tương ứng với bao nhiêu m trên thực địa?
2. Sử dụng tỉ lệ số hoặc tỉ lệ thước để đo và tính khoảng cách trên thực địa theo đường chim bay giữa các địa điểm sau (đơn vị: m):
 - + Khoảng cách từ Bảo tàng Chứng tích chiến tranh đến Ủy ban Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.
 - + Chiều dài đường Nam Kỳ Khởi Nghĩa đoạn từ ngã tư với đường Nguyễn Đình Chiểu đến ngã tư với đường Lý Tự Trọng